

MỘT SỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CHI TRỨNG CUA (*Debregeasia* Gaudich.) TRONG HỌ GAI (URTICACEAE Juss.) Ở VIỆT NAM

DƯƠNG THỊ HOÀN

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

Chi Trứng của (*Debregeasia*) được Gaudich. mô tả lần đầu tiên vào năm 1844 trong công trình “Voyage autour de Monde exécuté pendant les Années 1836 et 1837 sur la Corvette la Bonite. Botanique Atlas”. Theo hệ thống của V. H. Heywood (1993), I. Friis (1993), W. T. Wang & C. J. Chen (1995), Takhtajan (1996) thì chi *Debregeasia* thuộc tông *Boehmerieae*. Trên thế giới chi này có khoảng 5 loài phân bố ở vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới [8]. Ở Việt Nam trong công trình của Gagnepain, 1929 “Flore Générale de L’ Indo-Chine” có đề cập đến chi *Debregeasia* nhưng không mô tả chi tiết về các loài trong chi này. Trong “Cây cỏ Việt Nam” của Phạm Hoàng Hộ (1993) đã mô tả sơ lược 3 loài.

Qua quá trình nghiên cứu các tài liệu, các mẫu vật được lưu trữ trong các phòng tiêu bản và kết quả khảo sát một số vùng trong nước, chúng tôi cũng ghi nhận chi *Debregeasia* ở Việt Nam có 3 loài. Bài báo này đề cập đến đặc điểm chung của chi *Debregeasia*, lập khoá định loại các loài, mô tả đặc điểm hình thái và phân bố của từng loài trong chi *Debregeasia* ở Việt Nam.

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các loài trong tự nhiên (mẫu tươi sống), các tiêu bản khô của các loài trong chi *Debregeasia* ở Việt Nam được lưu giữ tại các phòng tiêu bản của các Viện nghiên cứu và các trường đại học như Bộ môn thực vật, Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (HNU); Đại học Dược Hà Nội (HNPI); Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (HN); Phòng tiêu bản Viện Dược liệu, Bộ Y tế (HNPM); Phòng Thực vật, Viện Sinh học Nhiệt đới Thành phố Hồ Chí Minh (VNM),...

2. Phương pháp nghiên cứu

Dùng phương pháp so sánh hình thái, là phương pháp nghiên cứu truyền thống, tuy đơn giản nhưng vẫn bảo đảm độ chính xác đáng tin cậy.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Debregeasia Gaudich. – Trứng cua

Gaudich. 1844 Voy. Bon. Bot. Atlas: t. 90; Wedd. 1856. Monogr. Fam. Urtica. 459 - 465; Benth. & Hook. f. 1880. Gen. Pl. 3(1): 390; Hook. f. 1885. Fl. Brit. Ind. 5: 590 - 592; Gagnep. 1929. Fl. Gen. Indoch. 5(2): 866 - 870; A. Ghaffoor, 1981. Fl. Pak. 137: 16; I. Friis, 1993. Fam. Gen. Vasc. Pl. 625; W. T. Wang & C. J. Chen, 1995. Fl. Reip. Pop. Sin. 23 (2): 388; Yang, 1996. Fl. Taiwan, 2: 203; T. Q. Chen, 2000. High. Pl. Chin. 157; C. J. Chen, 2003. Fl. Chin. 5: 185 - 187.

Cây bụi hoặc cây gỗ nhỏ. Lá đơn, mọc cách, phiến hình bầu dục, bầu dục hẹp, hình tim, hình tròn, chóp nhọn, đáy thuôn hoặc tròn, mép có răng nhỏ hoặc thô; gân lá hình lông chim, mặt dưới lá có phủ tuyết trắng hoặc màu bạc, có cuống; nang thạch dạng chấm. Lá kèm trong gốc cuống lá, dính, xẻ 2 thùy, sớm rụng. Cụm hoa dạng xim co đến chùy của đầu, mọc ở nách lá hoặc trên thân. Hoa đơn tính, cùng gốc hoặc khác gốc. Hoa đực: Bao hoa rời hoặc dính ở gốc,

xé 3-5 thùy. Nhị 3-5 xếp đối diện với các thùy, chỉ nhị gập lại, bao phấn lộn ngược, bầu tiêu giảm dạng lông len. Hoa cái: Bao hoa hình trứng, đỉnh có nhiều răng nhỏ, không có nhị lép. Bầu thẳng, dính với Bao hoa, hình trứng, 1 ô. Vòi nhụy ngắn. Núm nhụy hình bút lông, sớm rụng. Quả bế, thẳng, mang dài tồn tại, dày, hình trứng. Hạt hình tròn.

Typus: Debregeasia velutina Gaudich.

Khoá định loại các loài trong chi *Debregeasia* có ở Việt nam

- 1A. Cụm hoa dạng đầu thành từng cặp trên một cuống chung; lá thuôn dài, cành có lông mềm ...
.....**1. D. longifolia**
- 1B. Cụm hoa dạng đầu phân chia theo kiểu lưỡng phân và tam phân; lá hình trứng.
2A. Cụm hoa lưỡng phân, cuống dài 0,5 cm; Lá hình tim, cành có lông cứng... **2. D. squamata**
2B. Cụm hoa lưỡng phân và tam phân, cuống dài 2-6 cm; Lá có phiến hình xoan rộng, cành không lông**3. D. wallichiana**

1. *Debregeasia longifolia* (Burm. f.) Wedd. – Trứng cua lông

Prodr. 16(1): 235(24). 1869; FRPS. 23: 393; *Urtica longifolia* Burm. f. 1768. – *Debregeasia velutina* Gaudich. 1844; Phamh., 1993. Ill. Fl. Vietn. 2(2): 753. *Voy. Bonite, Bot. 3: t. 90 1844*

Cây bụi cao từ 3-6 m; Cây cùng gốc hoặc khác gốc. Cành có lông mềm màu đỏ hoặc nâu tím. Lá có phiến thuôn dài, màu xanh đậm, đầu thon nhọn, đáy tròn, gân từ đáy 3, mặt trên nhám, mặt dưới có lông mềm, có kích thước 7-18 x 1,5-5 cm; cuống dài khoảng 1-4 cm, lá kèm dính thành phiến dài 1cm, xẻ 2. Cụm hoa dạng đầu thành từng cặp trên một cuống chung. Hoa đực: Kích thước 0,5 mm; Bao hoa 4 thùy, hình trứng, cuống 1-2 mm. Hoa cái: kích thước 0,8 mm; Bao hoa hình ống, có 4 gờ ở đỉnh. Quả bế màu đỏ hoặc cam, to 1mm, được bao bọc bởi bao hoa còn tồn tại.

Sinh học và sinh thái: Cây ưa sáng, ưa ẩm ướt thường mọc ven suối, ven đường hay bãi hoang, ở độ cao 1500 m. Ra hoa quả tháng 7-2 (năm sau).

Phân bố: Lào Cai (Sa Pa), Hà Giang (Vị Xuyên), Lạng Sơn, Ba Vì, Hà Tây (Hà Nội), Lâm Đồng (Lang Bian), Ninh Thuận (Phan Rang, Ca Ná), Đồng Nai.

2. *Debregeasia squamata* King ex Hook. f. – Trứng cua, Đẻ gia vẩy

Fl. Brit. Ind. 5: 591. 1888; Ridl. Fl. Malay Penins. 3: 368. 1924; Gagnep. in Lecomte, Fl. Gen. Indo-Chine 5: 868, t. 101, fig. 13-16, et t. 102, fig. 2. 1929; Merr. et Chun in Sunyatsenia 2: 217. 1935; Merr.in Lingnan. Sci. Journ. 15 (3): 417. 1936; Fl. Gen. Indoch. 5: 875; Phamh. 1993. Ill. Fl. Vietn. 2(2): 739, fig. 6413.

Cây bụi cao 1- 2m, là cây cùng gốc; cành có lông cứng. Phiến lá có đốm trắng mịn và nhám ở mặt trên, trắng trắng mặt dưới, hình trái tim có kích thước 6-16 x 4-12 cm, mỏng như giấy; gân từ đáy 3, bìa có răng nhỏ; cuống có lông dài 2-7 cm, lá kèm chẻ hai. Cụm hoa dạng đầu, cuống hoa dài 0.5cm phân chia theo kiểu lưỡng phân. Hoa đực: dạng đầu, kích thước 1,2 mm, có cuống nhỏ; Bao hoa 3-4 thùy, hình trứng rộng. Hoa cái: dạng đầu, kích thước 0,6 mm, không cuống, Bao hoa dạng ống, có 4 gân dọc và có 4 gờ ở đỉnh. Quả bế tròn, cao 1mm

Sinh học và sinh thái: Cây ưa sáng, ra hoa quả tháng 8-1 năm sau.

Phân bố: Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hà Tây (Hà Nội), Nam Định, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế (Phú Lộc).

3. *Debregeasia wallichiana* (Wedd.) Wedd. - **Đề gia wallich**

Monogr. Urtic. 464. 1857. Phamh. 1993. Ill. Fl. Vietn. 2(2): 753. - *Missiessya ceylanica* Wedd. 1854. - *Morocarpus wallichianus* (Wedd.) Blume, 1856. - *Missiessya wallichiana* Wedd. 1854

Cây bụi cao 2-6 m. Cây cùng gốc; Vỏ nâu, cành không lông; Lá có phiến xoan rộng, kích thước 7-18 × 6-16 cm, mỏng như giấy, tập trung ở đỉnh cành, đầu có mũi, đáy tròn, gân từ đáy 3, mép lá có răng nhỏ, nhọn, mặt dưới trắng, cuống dài 3-15 cm. Lá kèm hình mũi mác to 12-20 × 2,5-5 mm, thuôn dài xẻ 2 ở đỉnh. Cụm hoa có dạng chùm tụ tán lưỡng phân và tam phân, hoa dạng đầu: cuống dài 2-6 cm. Hoa đực: có cuống nhỏ, bao hoa dính ở gốc, đỉnh xẻ 5 thùy hình trứng. Kích thước 0,6mm. Hoa cái: Không cuống, bao hoa hình ống có 4 gân dọc và 4 gờ ở đỉnh. Quả bế kích thước 1,3-1,5 mm, được bao bọc bởi bao hoa còn tồn tại.

Sinh học và sinh thái: Cây ưa sáng, gặp trên đỉnh núi, ở độ cao 1500 m. Ra hoa tháng 6.

Phân bố: Cao Bằng, Tuyên Quang.

Lời cảm ơn: Để có số liệu và kết quả cho bài báo này tôi xin chân thành cảm ơn đề tài cơ sở mang mã số IEBR.DT.01/15-16.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bentham, G., J. D. Hooker**, 1880. Genera Plantarum, London, 3(1): 383.
2. **Bentham, G., J. D. Hooker**, 1880. Genera Plantarum, London, 3(1): 386.
3. **Chen, C., I. B. Friis, C. W. Melanie**, 2003. Flora of China, 5: 76-189.
4. **Chew, W. L.**, 1965. Gardens' Bulletin Singapore, 21: 195-201.
5. **Chew, W. L.**, 1969. Gardens' Bulletin Singapore, 25: 111-178.
6. **Friis, I. B.**, 1993. The families and genera of vascular plant, 2: 612-630.
7. **Gagnepain, F. 1929:** Flore Générale de L' Indo-Chine, 5(2): 854-866. Paris.
8. **Nguyễn Tiến Hiệp**, 2003. "Urticaceae", Danh lục các loài thực vật Việt Nam, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, tập 2: 209-226.
9. **Hooker, J. D.**, 1885. Flora of British India, 5: 575. London.
10. **Phạm Hoàng Hộ**, 1993: "Urticaceae", Cây cỏ Việt Nam, Montréal, 2(2): 722-757.

TAXONOMY OF GENUS *Debregeasia* Gaudich. (URTICACEAE Juss.) IN VIETNAM

DUONG THI HOAN

SUMMARY

The genus *Debregeasia* is represented by 5 species in the world, distributed in warm-temperate and tropical regions of the Old World. In Vietnam, the genus is represented by 3 species, namely *Debregeasia longifolia* (Burm. f.) Wedd.; *D. squamata* Kuhn ex Hook. f. and *D. wallichiana* (Wedd.) Wedd., distributed in various provinces such as Lao Cai, Lang Son, Ha Noi, Thanh Hoa, Ninh Binh, Ninh Thuan and Lam Dong. Present work deals with the distribution and taxonomy of the genus in Vietnam.